



DAK LAK RUBBER COMPANY, LTD (DAKLAORUCO)

Address: Thaluong Village - Pakse District - Champasak Province - Lao PDR

Tel: 00856 31 21 25 70;

Fax: 00856 31 25 29 82

Email: daklaoruco.lao@gmail.com Website: <http://www.daklaoruco.com>

Số: 14/BC-FSC

Pakse, ngày 23 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả giám sát khai thác, vận chuyển và chế biến mủ cao su năm 2024

Kính gửi: Ban điều hành phát triển cao su bền vững.

- Căn cứ Bộ tiêu chuẩn quốc gia tạm thời cho đánh giá rừng của nước CHDCND Lào (FSC-STD-LAO-01-2020)

- Căn cứ Quy định số 17/Qđ-CT ngày 10/07/2023 của Giám đốc Công ty về quản lý những tác động của việc khai thác và vận xuất lâm sản để bảo tồn các giá trị môi trường;

- Căn cứ kết quả kiểm tra giám sát thực hiện các hoạt động trong Phương án quản lý phát triển rừng cao su bền vững của Công ty.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban FSC công ty.

- Phòng kỹ thuật sản xuất báo cáo kết quả giám sát khai thác, vận chuyển và chế biến mủ cao su năm 2024, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

- Nhằm quản lý các công tác khai thác, vận xuất và chế biến để bảo tồn các giá trị môi trường, giảm tỷ lệ tổn thất mủ và gỗ, tránh những thiệt hại tới các sản phẩm và các dịch vụ khác, đồng thời tuân thủ bộ Tiêu chuẩn quốc gia tạm thời áp dụng cho đánh giá rừng tại CHDCND Lào (FSC-STD-LAO-01-2020 EN), tuân thủ “Kỹ thuật khai thác giảm thiểu tác động”- RIL. Công ty đã ban hành Quy trình kiểm soát kỹ thuật khai thác mủ (QT/KT05), Quy trình giao nhận mủ cao su nguyên liệu (QT/KT06), Quy trình chế biến mủ cao su (QT09) và quy định số 17/Qđ-CT về quản lý những tác động của việc khai thác và vận xuất lâm sản để bảo tồn các giá trị môi trường.

2. Cán bộ giám sát:

Ông: Phạm Văn Nam

Chức vụ: TP. KTSX;

Ông: Hoàng Đức Tấn

Chức vụ: PP. KTSX;

Ông: Hồ Ngọc Lâm

Chức vụ: NVP. Kỹ thuật.

3. Thời gian giám sát: Năm 2024

4. Địa điểm: tại 04 nông trường (Nông trường 1, Nông trường 2, Nông trường 3, Nông trường 4) và Nhà máy chế biến mủ cao su.

5. Nội dung: Năm 2024. Công ty không có các hoạt động khai thác gỗ. Hoạt động khai thác mủ thực hiện đúng theo Quy trình kiểm soát kỹ thuật khai thác mủ

(QT/KT05), Quy trình giao nhận nguyên liệu mủ cao su (QT/KT06) và Quy trình chế biến mủ cao su (QT/09).

5.1 Quản lý hoạt động khai thác mủ tại vườn cây:

- Đầu vụ khai thác, Công ty ban hành kế hoạch khai thác chi tiết đến từng lô, tổ, Nông trường, ban hành kế hoạch thiết kế băng cạo trên cây cao su. Vệ sinh băng cạo, vệ sinh và trang bị đầy đủ vật tư kiềng, chén, máng trên vườn cây trước khi khai thác.

- Hoạt động khai thác mủ: Việc cạo mủ phải đảm bảo về tiêu chuẩn đường cạo, độ sâu cạo mủ, mức độ hao dăm, hao vỏ cạo và việc sử dụng thuốc kích thích được thực hiện theo đúng Quy trình kiểm soát kỹ thuật khai thác mủ (QT/KT05). Công nhân thực hiện tốt công tác bóc mủ, úp chén và thu gom mủ nước, mủ phụ triệt để.

5.2 Quản lý chất lượng mủ nguyên liệu tại vườn cây:

- Nông trường phải thực hiện tốt các vấn đề như: Chén hứng mủ; máng hứng mủ; dụng cụ thu gom, thùng trút mủ; điểm giao nhận mủ tại vườn cây; bảo quản mủ nguyên liệu tốt và công nhân cạo mủ, ... nhằm đảm bảo chất lượng các loại mủ nguyên liệu.

-Thực hiện chống đông mủ nước vườn cây theo Quy trình giao nhận mủ nguyên liệu cao su (QT/KT06).

5.3 Quản lý chất lượng trong khâu vận chuyển mủ nguyên liệu từ vườn cây về nhà máy:

- Phiếu giao nhận nguyên liệu mủ cao su (mủ nước và mủ phụ) theo Phiếu giao nhận mủ nguyên liệu (BM/.HD.NM 02-11); Sổ giao nhận mủ hàng ngày (BM/QT/KT06-01,02); và các biểu mẫu liên quan.

- Điểm giao nhận mủ được đặt sát bên đường lô, xe ô tô không được vào trong lô để nhận mủ. Công nhân có thể xách tay, dùng xe máy hoặc xe ba bánh để chở mủ từ trong lô đến điểm giao nhận mủ để giảm tối đa tác động tiêu cực của vận xuất đến môi trường.

5.4 Công tác chế biến mủ tại nhà máy:

- Trong năm 2024, Công ty chủ yếu chế biến ra các sản phẩm mủ cao su như:

| Stt | Mặt hàng | S.lượng (tấn) | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------|---------|
| 1 | CS SVR3L | 7.628,14 | |
| 2 | CS SVR5 | 461,10 | |
| 3 | CS SVR10 | 1.481,41 | |
| 4 | CS SVR CV50 | 171,36 | |
| 5 | Cao su SVR CV60 | 744,66 | |
| 6 | CS Ngoại lệ | 80,71 | |
| 7 | CS tận thu HNT | 147,26 | |
| * | Tổng cộng | 10.714,64 | |

- Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HDQT ngày 16/03/2023, trong năm Công ty đã ký hợp đồng số: 56/HĐMB-DL'24 ngày 14/05/2024 với Ông: **Thirachai**

Laobandit về việc mua mủ nguyên liệu là mủ nước, mủ phụ khối lượng mủ cụ thể như sau:

| Stt | Loại sản phẩm | Số lượng (Tấn) | Ghi chú |
|------------|----------------------|-----------------------|----------------|
| 1 | Mủ nước | 309.08 | |
| 2 | Mủ phụ | 201.39 | |
| * | Tổng cộng | 510.47 | |

- Nhà máy đã thực hiện phân chia khu vực nơi tiếp nhận nguyên liệu, dây chuyền sản xuất và kho chứa sản phẩm để phân biệt, truy xuất được sản phẩm được chế biến từ nguồn nguyên liệu vườn cây thực hiện FSC và tuân thủ theo Quy định chống phá rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) của Công ty với nguồn nguyên liệu mua ngoài.

6. Kết quả/phát hiện:

| TT | Nội dung giám sát | Địa điểm | Kết quả giám sát | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------|-------------------------|----------------------------|
| 1 | Chất lượng mủ nguyên liệu ngoài vườn cây | Nông trường 1 | Đạt | Quy trình QT/KT06 |
| | | Nông trường 2 | Đạt | |
| | | Nông trường 3 | Đạt | |
| | | Nông trường 4 | Đạt | |
| 2 | Xe vận chuyển mủ | Nông trường 1 | Đạt | Quy trình QT/KT06 |
| | | Nông trường 2 | Đạt | |
| | | Nông trường 3 | Đạt | |
| | | Nông trường 4 | Đạt | |
| 3 | Chế biến mủ tại NMCB | NMCB mủ cao su | Tốt | Quy trình QT/KT06, QT/KT09 |

7. Đánh giá:

7.1. Ưu điểm:

- Công tác quản lý chất lượng nguyên liệu mủ của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào (Daklaoruco) các nông trường và các nhà máy thực hiện đúng Quy định của Công ty.

- Đối với bộ tiêu chuẩn FSC đã tuân thủ thực hiện tốt theo đúng các quy định.

- Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong bộ tiêu chuẩn FSC, từ việc thực hiện đảm bảo chất lượng các loại nguyên liệu: chất lượng nguyên liệu mủ nước, nguyên liệu mủ đông, chén, dây về nhà máy cho đến Công tác chế biến tại các nhà máy; công tác vệ sinh đảm bảo.

- Hoàn thiện bổ sung Quy trình giao nhận mủ cao su (QT/KT06), Quy trình chế biến mủ cao su (QT09), quy trình tiếp nhận, kiểm tra nguyên liệu mủ cao su (QT/KP15), để tạo sự liên kết nguồn gốc nguyên liệu mủ giữa các biểu mẫu (từ phiếu giao nhận mủ ngoài vườn cây, lên tank xe/ thùng xe, xả xuống hồ/ ô chứa, xếp học sấy, ... đến ép bành vào pallet, lưu kho đến xuất bán sản phẩm), nhằm đáp ứng nhu cầu truy xuất nguồn gốc theo EUDR.

7.2. Đề xuất khắc phục:

- Tiếp tục theo dõi, kiểm tra, phân loại trong quản lý chất lượng nguyên liệu vườn cây đối với các Nông trường và giám sát công tác chế biến tại nhà máy chế biến mủ cao su.

- Kiểm tra, giám sát các xe chở mủ phải đảm bảo vệ sinh nhằm tuân thủ theo quy trình, quy định của Công ty đã ban hành.

- Kiểm tra, theo dõi cập nhật các biểu mẫu mới theo quy trình ban hành của Công ty.

8. Phương hướng năm 2025:

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện quy định 17/Qđ-CT và các quy trình QT/KT05, QT/KT06, QT/KP15 từ việc thực hiện quản lý khai thác, quản lý chất lượng nguyên liệu: chất lượng nguyên liệu mủ nước, nguyên liệu mủ đông, chén về nhà máy cho đến Công tác chế biến tại nhà máy.

- Kiểm tra tiếp nhận nguyên liệu mủ từ các Nông trường trên và theo dõi quá trình xuất hàng tại nhà máy.

- Kiểm tra vệ sinh nơi giao nhận mủ và xe vận chuyển mủ;

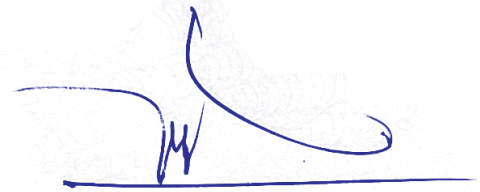
- Kiểm tra tình hình nước thải tại các nhà đội đảm bảo theo tiêu chuẩn.

Trên đây là kết quả giám sát khai thác, vận chuyển và chế biến mủ cao su năm 2024 của phòng kỹ thuật sản xuất Công ty và phương hướng nhiệm vụ năm 2025, kính báo cáo Ban điều hành phát triển rừng cao su bền vững biết và cho ý kiến chỉ đạo.

TP. KỸ THUẬT SẢN XUẤT

Nơi nhận:

- Ban GD công ty;
- Các bên liên quan;
- Ban FSC công ty;
- Website công ty;
- Lưu VT.



Phạm Văn Nam